

**PHẦN 4: NÊU DẪN CÁC SỰ VIỆC:
PHÒNG XÁ, TẠP SỰ, NGŨ BÁCH KẾT TẬP, THẤT BÁCH
KẾT TẬP, ĐIỀU ĐẠT, TỖ NI TẶNG NHẤT**

Chương III: NGŨ BÁCH KẾT TẬP

Sau khi Đức Thế Tôn bát-niết-bàn giữa rừng Sa-la,²⁰² trong khu vườn của người Mạt-la,²⁰³ thành Câu-thi,²⁰⁴ những người Mạt-la rửa xá-lợi²⁰⁵ của Phật xong, dùng kiếp-bối sạch gói lại, lấy năm trăm trương điệp theo thứ tự quấn lại, để trong kim quan bằng sắt, rồi đổ đầy dầu thơm vào; sau đó để xá lợi vào giữa và đậy nắp lại. Rồi lại làm cái quách bằng gỗ, đặt kim quan vào giữa. Bên dưới chắt một đồng củi bằng loại gỗ thơm. Khi ấy, thủ lĩnh của người Mạt-la cầm lửa đốt. Bấy giờ, chư Thiên liền làm cho lửa tắt. Các Đại Mạt-la Tử khác lần lượt cầm cây đuốc lớn để đốt. Chư Thiên cũng đều dập tắt ngọn lửa. A-na-luật nói với những người Mạt-la:

- Không cần phải khổ nhọc như vậy. Chư Thiên dập tắt lửa của các ông.

Họ hỏi A-na-luật:

- Thừa Đại đức, vì sao Chư Thiên lại dập tắt lửa?

A-na-luật trả lời:

194. Sa-la lâm 娑羅林. Pali: sālavana. Khu rừng của những cây sa-la, chỗ Phật nhập niết-bàn. Trường A-hàm 4 (T01n1 tr.24b26): Bấy giờ Thế tôn ở tại Câu-thi-na-kiệt, rừng Sa-la, giữa cặp cây sa-la” Cf. D. ii. 1>7: igha me tva antarena yamaka-sālāna uttara-sīsaka maḍcaka paññāpehi, - A-nan, hãy dọn giường nằm cho Ta giữa cặp cây sa-la, dầu hương về phía bắc. Phiên dịch danh nghĩa > (T54n21>1, tr.1100b18): Sa-la, đây gọi là kiên cố 堅固... vì đồng cho đến hạ không thay đổi...Hoa nghiêm âm nghĩa dịch là cao viễn 高遠... Cây mọc từng cặp, nên gọi là sa-la song thọ 娑羅雙樹; Pali: yamaka-sālā.

20>. Mạt-la 末羅. Tên của một bộ tộc lớn thời Phật. Hán dịch là - lực sĩ. Bộ tộc này chia làm hai nhánh. Một đóng thủ phủ ở Pāvā (Ba-hoà hay Ba-bà) và một ở Kusināra (Câu-thi-na). Trường A-hàm 4, đã dẫn: Phật bảo A-nan, người hãy vào Câu-thi-na-kiệt báo cho những người Mạt-la biết, nửa đêm hôm nay Như lai sẽ nhập niết-bàn giữa cặp cây sa-la trong vườn Sa-la.

204. Câu-thi thành 拘尸城. Pali: Kusinārā (Skt. Kuśinagara/ Kuśinagarī/Kuśigrāmaka, 拘尸那城; Câu-thi-na-kiệt). Thủ phủ của người Mạt-la.

205. Xá-lợi 舍利; Pali: sarīra, thân thể, nhục thể. Đây nói nhục thân của Phật trước khi hỏa thiêu; không phải xá-lợi sau khi hỏa thiêu.

- Vì Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp cùng Đại Tỳ-kheo gồm năm trăm vị hiện trên lộ trình đến đây, còn đang ở giữa hai nước Ba-bà và Câu-thi. Trưởng lão nghĩ rằng, “Ta có thể thấy được xá-lợi Phật, khi chưa thiêu hay chẳng?” Chư Thiên biết tâm niệm của Ca-diếp như vậy, cho nên đã dập tắt lửa.

Những người Mạt-la nói:

- Đại đức A-na-luật, nay tạm đình hoãn, chịu theo ý Chư Thiên vậy.

Bấy giờ, Ma-ha Ca-diếp cùng đại Tỳ-kheo Tăng gồm năm trăm vị đang trên đường đi giữa hai nước kia, gặp một người Ni-kiên²⁰⁶ cầm cành hoa mạn-đà-la²⁰⁷ từ chỗ Đức Thế Tôn Niết-bàn ngược chiều đi đến. Ca-diếp thấy, bèn hỏi:

- Ông từ đâu đến đây?

Người ấy trả lời:

- Tôi từ thành Câu-thi đến.

Ca-diếp lại hỏi:

- Có biết Đức Thế Tôn của chúng tôi không?

Trả lời:

- Biết.

Lại hỏi:

- Nay Ngài còn tại thế chẳng?

Trả lời:

- Không còn tại thế. Nhập Niết-bàn trước đây bảy ngày rồi. Tôi từ đó cầm nhánh hoa này đến đây.

Ca-diếp nghe rồi, không vui. Trong số đó, có những Tỳ-kheo chưa ly dục, nghe Đức Thế Tôn đã Niết-bàn, liền gieo mình xuống đất. Cũng như cây bị chặt gốc ngã xuống; các vị chưa ly dục này cũng lại như vậy. Khóc than:

- Ôi! Đức Thiện thế Niết-bàn sao quá sớm vậy? Ôi! Con mắt sáng của thế gian sao tắt nhanh vậy? Ôi! Chánh pháp mà chúng ta tuân thừa sao có thể diệt tận?

Có vị lăn tròn dưới đất. Cũng như khúc cây, các Tỳ-kheo chưa ly dục này cũng lại như vậy. Than khóc sầu não:

- Ôi! Đức Thiện thế sao Niết-bàn quá sớm vậy?

206. Cf. Vin. ii (Pañcasatikakkhanda) 184: Một người ājīvaka, tà mạng ngoại đạo.

207. Mạn-đà-la hoa 曼陀羅華; Pali: Mandāra, loại hoa được coi là chỉ có ở trên Trời, không có trong thế gian này.

Khi ấy Bạt-nan-đà Thích tử²⁰⁸ cũng ở trong chúng, nói với các Tỳ-kheo:

- Thôi đủ rồi! Các Trưởng lão, đừng khóc nữa, đừng quá ưu sầu. Chúng ta nay đã thoát khỏi vị Ma-ha-la²⁰⁹ ấy rồi. Lão ấy khi còn sống thường dạy chúng ta: “Cái này nên; cái này không nên. Phải làm điều này, không được làm điều này.” Nay chúng ta được tự do làm theo ý muốn của mình. Muốn làm thì làm, không muốn làm thì thôi.

Đại Ca-diếp nghe như vậy không vui, liền bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy đứng lên! Nhanh chóng cầm y bát để kịp thời thấy xá-lợi của Đức Thế Tôn trước khi chưa thiêu.

Các Tỳ-kheo nghe Ca-diếp nói liền vội vã ôm cầm y bát để đi. Đại Ca-diếp cùng năm trăm vị đến thành Câu-thi rồi, ra khỏi thành, vượt qua sông Hê-lan-nhã,²¹⁰ đến chùa Thiên quan,²¹¹ chỗ Tôn giả A-nan, nói:

- Nay A-nan, tôi muốn kịp thấy xá-lợi Thế Tôn khi chưa thiêu.

Tôn giả A-nan trả lời:

- Muốn kịp thấy xá-lợi của Đức Thế Tôn khi chưa thiêu, thật là khó. Vì sao vậy? Xá-lợi Đức Thế Tôn đã được tắm rửa, được bọc bằng kiếp-bối mới, rồi dùng năm trăm trương điệp tuần tự quấn lại, để trong kim quan bằng sắt, đổ đầy bằng dầu thơm, rồi để vào trong một cái quách bằng gỗ. Dưới cái quách chất một đồng củi bằng cây thơm. Nay sắp sửa đốt. Cho nên khó có thể thấy được.

Bấy giờ, Đại Ca-diếp từ từ bước đến chỗ kim quan đựng xá-lợi của Phật. Khi ấy cái quan và cái quách liền tự mở ra, chân Đức Thế Tôn hiện ra. Đại Ca-diếp thấy dấu bánh xe dưới bàn chân Thế Tôn có vết bản, liền hỏi Tôn giả A-nan:

- Nhan dung của Đức Thế Tôn đoan chánh, thân thể bằng sắc vàng, ai làm bản dấu bánh xe dưới chân?

Tôn giả A-nan trả lời với Đại Ca-diếp:

208. Bạt-nan-đà Thích tử, người được đề cập rất nhiều trong các nhân duyên Phật chế giới. Nhưng, Vin.ii. 184 nói: Subhadda, một Tỳ-kheo xuất gia khi tuổi đã già, nói lên điều này. Đây không phải là Subhadda (Tu-bạt), người Bà-la-môn được Phật độ cuối cùng, mà nguyên là một người thợ hớt tóc. Một số điều luật Phật chế do việc làm sai trái của ông này.

209. Ma-ha-la 摩訶羅; Phiên dịch danh nghĩa 5 (T54n21>1 tr.11>7c16): Đây gọi là vô tri 無知. Phiên âm từ Skt. mahālla: người già yếu, già lão, vô tri.

210. Hê-lan-nhã 醯蘭若. Pali: Hiraññavatī (Skt. Hirayavatī), cũng nói là Hi-liên-thiên, hay Kim hà. Con sông ở bìa rừng Sa-la, chỗ Phật nhập niết-bàn.

211. Thiên quan tự W#^#A. Trương A-hàm, đã dẫn: #i#Ú#A. - Sau khi qua sông Hi-liên-thiên, đến chùa Thiên quan thì hoá thiêu.

- Bạch Đại đức Ca-diếp, tâm người nữ²¹² mềm yếu. Khi kính lễ Đức Thế Tôn, người ấy khóc. Nước mắt rớt xuống đó, rồi lấy tay nắm nên làm bẩn chân Đức Thế Tôn.

Đại Ca-diếp nghe nói, không vui, rồi kính lễ dưới chân Đức Thế Tôn. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, chư Thiên, đại chúng cũng đều kính lễ chân Đức Thế Tôn. Bấy giờ, chân Đức Thế Tôn hoàn lại trong kim quan, không còn hiện nữa. Đại Ca-diếp buồn than, nói kệ, nhiễu quanh kim quan bảy vòng, rồi lửa không châm mà tự nhiên cháy.

Đại Ca-diếp, sau khi lễ hỏa thiêu xá-lợi rồi, vì nhân duyên này tập hợp Tỳ-kheo Tăng, kể lại:

- Trên đường đi về đây, tôi nghe Bạt-nan-đà nói với các Tỳ-kheo như sau: “Thôi đủ rồi! Các Trưởng lão, đừng khóc nữa, đừng quá ưu sầu. Chúng ta nay đã thoát khỏi vị Ma-ha-la ấy rồi. Lão ấy khi còn sống thường dạy chúng ta: Cái này nên, cái này không nên; phải làm điều này, không được làm điều này. Nay chúng ta được tự do làm theo ý muốn của mình. Muốn làm thì làm, không muốn làm thì thôi.”

Đại Ca-diếp nói:

- Nay, chúng ta hãy cùng nhau luận Pháp, Tỳ ni. Chớ để cho ngoại đạo nói thêm nhiều điều, biếm nhẽ rằng, “Pháp và Luật của Sa-môn Cù-đàm như khói. Khi Thế Tôn ấy còn sống, mọi người cùng học giới. Nay người ấy mất rồi, không còn ai học giới nữa.” Các Trưởng lão, nay hãy lựa chọn cá Tỳ-kheo đa văn, trí tuệ, là những vị A-la-hán.

Bấy giờ, chọn được bốn trăm chín mươi chín vị đều là A-la-hán, đa văn trí tuệ. Các Tỳ-kheo đề nghị:

- Nên chọn Tôn giả A-nan ở trong số này.

Đại Ca-diếp nói:

- Chớ chọn A-nan vào trong số đó.

Hỏi:

- Vì sao vậy?

Đáp:

- Vì A-nan còn có ái, nhuế, bố, si. Người có ái nhuế bố si thì không nên chọn vào trong số đó.

Khi ấy, các Tỳ-kheo lại nói:

- Tôn giả A-nan là người cúng dường^{21>} Phật, thường đi theo Phật,

212. Trưởng A-hàm, dd., - có một lão mẫu.

21>. Cúng dường 供養; chỉ (người) phục vụ, hay thị giả. Pali: upatthāka; xem Phần iii, Ch.iii, An cư Cht. >.

đích thân thọ nhận giáo pháp từ Đức Thế Tôn. Đây đó, những chỗ nghi vấn, chắc chắn Tôn giả đã thưa hỏi Đức Thế Tôn. Vậy nên cần được chọn vào trong số đó.

Rồi Tôn giả được chọn vào trong số.

Các Tỳ-kheo đều nghĩ, - Chúng ta nên chọn chỗ nào mà tập hội để luận Pháp và Tỳ-ni, chỗ mà ẩm thực và ngọa cụ được đầy đủ không thiếu? Tất cả đều nói, - Chỉ có thành Vương-xá là nơi mà phòng xá, ẩm thực và ngọa cụ được đầy đủ dồi dào. Nay chúng ta nên đến đó tập hợp để luận Pháp và Tỳ-ni.

Bấy giờ, Đại Ca-diếp liền tác bạch:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Các Tỳ-kheo này được Tăng sai. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng đến thành Vương-xá tập hội để luận Pháp và Tỳ-ni. Đây là lời tác bạch.

Tác bạch rồi, tất cả đều đến Tỳ-xá-ly.

Khi ấy, A-nan đang trên đường đi, nơi chỗ thanh vắng, tâm tự suy nghĩ rằng, - Ví như con trâu ghé mới sinh còn bú sữa, cùng năm trăm con trâu lớn đồng đi. Nay ta cũng như vậy. Là hàng hữu học, còn có việc phải làm,²¹⁴ mà cùng đi với năm trăm vị A-la-hán!

Bấy giờ, các Trưởng lão đều đến Tỳ-xá-ly. A-nan cũng đang trụ tại Tỳ-xá-ly. Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, quốc vương, đại thần, các Bà-la-môn, ngoại đạo đều đến thăm hỏi. Mọi người tụ hội đông đảo.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo Bạt-xà Tử²¹⁵ có đại thần lực, đã đặng thiên nhãn, biết được tâm trí của người khác, suy nghĩ: Hiện nay, A-nan cũng đang ở tại Tỳ-xá-ly. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, quốc vương đại thần, các Bà-la-môn ngoại đạo đều đến thăm hỏi. Mọi người tụ hội đông đảo. Nay ta nên quán sát xem A-nan là người hữu dục hay vô dục? Sau khi quán sát biết A-nan là người hữu dục chứ chẳng phải vô dục. Tỳ-kheo lại nghĩ, - Nay ta nên khiến cho A-nan sinh tâm yếm ly. Vì muốn khiến Tôn giả A-nan sinh tâm yếm ly, nên Bạt-xà Tử liền nói bài kệ:

*Dưới gốc cây chỗ khuất,
Tâm tư hướng Niết-bàn.
Tọa thiền đừng buông lung.*

214. Hữu tác 有作. Vì còn phải tu tập. Khi một vị chứng quả A-la-hán, vị ấy được nói là - Đã làm những điều cần làm” (Pali: kata karanīya: sở tác dĩ biện).

215. Bạt-xà Tử 跋闍子; Pali: Vajjiputta. Vị Tỳ-kheo này thuộc Vương tộc Licchav#, dòng họ Vajj#.

Nói nhiều để làm gì?

Tôn giả A-nan nghe Tỳ-kheo Bạt-xà Tử nói pháp yếm ly rồi, liền ở riêng một mình, tinh tấn không buông lung, tịch nhiên, không loạn động. Đây là pháp vị tăng hữu²¹⁶ của A-nan. Bấy giờ, Tôn giả A-nan ở chỗ đất trống, trải giường giây, hầu hết suốt đêm đi kinh hành, đến lúc gần sáng, khi tướng bình minh sắp xuất hiện, thân mỗi mệt, nghĩ rằng, - Nay ta quá mỗi mệt, cần ngồi một chút. Nghĩ xong, liền ngồi; rồi nghiêng mình muốn nằm. Trong khoảnh khắc, khi đầu chưa đến gối, bỗng nhiên tâm đắc vô lậu giải thoát. Đây là pháp vị tăng hữu của Tôn giả A-nan.

A-nan đắc A-la-hán rồi, liền nói kệ:

*Đa văn, nói rất nhiều.
Thường hầu hạ Thế Tôn.
Đã đoạn sinh tử xong
Nay Cù-đàm²¹⁷ muốn nằm.*

Các Tỳ-kheo từ Tỳ-xá-ly đến thành Vương xá, nói:

- Trước khi luận Pháp và Tỳ-ni, chúng ta cần làm việc gì? Sửa soạn phòng xá, ngọa cụ trước, hay luận Pháp, Tỳ-ni trước?

Tất cả đều nói, tu bổ phòng xá, ngọa cụ trước.

Bấy giờ, Đại Ca-diếp vì nhân duyên này tập hợp Tỳ-kheo Tăng. Trong số này, Đà-hê-la Ca-diếp làm Thượng tọa. Trưởng lão Ba-bà-na là Thượng tọa thứ hai.²¹⁸ Đại Ca-diếp là Thượng tọa thứ ba. Trưởng lão Đại Châu-na là Thượng tọa thứ tư.

Bấy giờ, Đại Ca-diếp biết Tăng sự liền tác bạch:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng tập hợp để luận Pháp Tỳ ni. Đây là lời tác bạch.

Khi ấy, Tôn giả A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên phải, đầu gối bên phải chấm đất, chấp tay, bạch Đại Ca-diếp:

- Tôi trực tiếp nghe từ Đức Phật, ghi nhớ lời Phật có dạy rằng, “Từ

216. Pháp đặc biệt duy chỉ A-nan có. Xem Trung A-hàm 8, kinh >> - Thị giả”. Trưởng A-hàm 4, (T01n1 tr.25c21): Phật nói 4 pháp kỳ đặc của A-nan. Cf. D.ii. 145: cattārome bhikkhave acchariyā abbhutā dhammā ānande.

217. A-nan thuộc Vương tộc họ Thích, nên tự gọi mình là Cù-đàm.

218. Đà-hê-la Ca-diếp 陀醯羅迦葉, Ba-bà-na 婆婆那, và Đại Châu-na 大周那. Tăng kỳ >2 (T22n1425, tr.490c21): Ba vị Thượng thủ, thứ tự: Đại Ca-diếp 大迦葉, Na-đâu-lô 那頭盧, Ưu-ba-na-đâu-lô 優波那頭盧. Thập tụng 60 (tr. 446a4), bốn vị Thượng thủ của Diêm-phù-đề: đệ nhất Thượng tọa, trưởng lão A-nhã Kiêu-trần-như; đệ nhị Thượng tọa, trưởng lão Quân-đà; đệ tam Thượng tọa, trưởng lão Thập Lực Ca-diếp; đệ tứ Thượng tọa, trưởng lão Ma-ha Ca-diếp.

nay về sau, vì các Tỳ-kheo bỏ các giới nhỏ tiểu tiết.”²¹⁹

Ca-diếp hỏi A-nan:

- Ông có hỏi Đức Thế Tôn, giới nào là giới nhỏ tiểu tiết hay không?

Tôn giả A-nan trả lời:

- Lúc ấy tôi sầu ưu nên quên, không hỏi điều đó.

Các Tỳ-kheo đều nói:

- Đến đây. Tôi sẽ nói với ông, trong giới nhỏ tiểu tiết.

Hoặc có vị nói, trừ bốn Ba-la-di, ngoài ra là giới nhỏ tiểu tiết. Hoặc nói, trừ bốn Ba-la-di và mười ba sự, ngoài ra là giới nhỏ tiểu tiết. Hoặc nói, trừ bốn Ba-la-di, mười ba việc, và hai bất định, ngoài ra là giới nhỏ tiểu tiết. Hoặc nói, trừ bốn Ba-la-di, mười ba việc, hai bất định, và ba mươi việc, ngoài ra là giới nhỏ tiểu tiết. Hoặc nói, trừ bốn Ba-la-di, cho đến chín mươi việc, ngoài ra là giới nhỏ tiểu tiết. Đại Ca-diếp bảo các Tỳ-kheo:

- Các Trưởng lão! Nay, trong chúng mỗi vị nói một cách, không biết giới nào là giới nhỏ tiểu tiết. Từ nay về sau, nên cùng nhau lập ước chế: “Nếu trước đây, những gì Đức Phật không chế cấm thì nay không nên chế cấm. Trước đây những gì Đức Phật chế cấm thì nay không nên hủy bỏ. Nên tùy thuận học tập những gì mà Đức Phật đã quy định.

Đại chúng đều lập chế hạn như vậy.

Đại Ca-diếp nói với A-nan:

- Ông là người đầu tiên thỉnh cầu Phật độ người nữ xuất gia ở trong Phật Pháp, mắc tội Đột-kiết-la. Nay nên sám hối.

Tôn giả A-nan trả lời:

- Bạch Đại đức, điều này tôi không cố ý làm. Ma-ha Ba-xà-ba-đề có đại ân đối với Đức Phật. Phật mẫu qua đời, nuôi nấng Thế Tôn. Bạch Đại đức, nay tôi đối với việc này, không tự thấy có tội. Nhưng vì kính tín Đại đức nên xin sám hối.

Đại đức Ca-diếp lại nói:

- Ông khiến Thế Tôn phải ba lần yêu cầu ông làm thị giả, mà ông nói không làm, phạm Đột-kiết-la tội. Nay ông nên sám hối.

Tôn giả A-nan trả lời với Đại Ca-diếp:

- Điều này, tôi không cố ý làm. Bởi vì làm thị giả Phật là việc rất

219. Tạp toái giới 雜碎戒. Trường A-hàm 4 (tr.26a 29): Tiểu tiểu giới. Pali: khudā-nukhudakāni sikhāpadāni, các học xứ nhỏ, và không quan trọng. Luật Pali, Vin. ii. 189, các Tỳ-kheo trưởng lão nêu tội, không phải chỉ một mình Đại Ca-diếp. Trong đây, chỉ luận 5 tội Đột-kiết-la của A-nan. Thập tụng 60, đã dẫn, 6 Đột-kiết-la.

khó, nên tôi nói là tôi không thể. Nay, tôi đối với việc này, không tự thấy có tội. Nhưng vì kính tín Đại đức nên xin sám hối.

Đại đức Ca-diếp lại nói:

- Ông vá y Tăng-già-lê cho Đức Phật, dùng chân đạp để vá, mắc tội Đột-kiết-la. Nay phải sám hối.

A-nan trả lời Đại đức Ca-diếp:

- Điều này, tôi không cố ý làm. Chẳng phải tôi có tâm khinh mạn mà làm như vậy. Vì không có ai cầm nên tôi phải làm như vậy. Nay, tôi đối với việc này, không tự thấy có tội. Nhưng vì kính tín Đại đức nên xin sám hối.

Ca-diếp nói:

- Đức Thế Tôn muốn Niết-bàn, ba phen nói với ông. Ông không thỉnh Đức Thế Tôn ở lại thế gian một kiếp hay hơn một kiếp, để cho vô số người được lợi ích, vì thương tưởng thế gian, vì sự an lạc cho chư thiên, nhân loại. Ông mắc tội Đột-kiết-la. Nay phải sám hối.

Tôn giả A-nan thưa:

- Bạch Đại đức Ca-diếp, điều này không phải tôi cố ý làm, mà do ma ám tâm tôi, khiến tôi không thỉnh Phật ở đời thêm nữa. Trong đây, tôi không tự thấy có tội, nhưng vì kính tín Đại đức, nên xin sám hối.

Ca-diếp lại nói:

- Đức Thế Tôn bảo ông lấy nước, ông không lấy, mắc tội Đột-kiết-la. Nay phải sám hối.

A-nan thưa:

- Điều này không phải tôi cố ý làm. Nhưng vì lúc ấy có năm trăm chiếc xe đi ngang qua phía trên dòng nước, nên nước bị đục. Sợ Đức Thế Tôn uống bị bệnh, nên tôi không lấy.

Ca-diếp nói:

- Khi ấy ông lấy thì hoặc do oai thần của Phật, hoặc chư Thiên khiến cho nước được trong.

A-nan nói:

- Trong đây, tôi không tự thấy có tội. Nhưng vì kính tín Đại đức nên xin sám hối.

Ca-diếp lại nói:

- Ông không thưa hỏi Đức Thế Tôn, giới nhỏ tiểu tiết, là những giới nào, mắc tội Đột-kiết-la. Nay nên sám hối.

Ông A-nan thưa:

- Điều này, chẳng phải tôi cố ý làm, mà vì lúc ấy tôi sầu ưu, không nhớ để thưa hỏi Đức Thế Tôn giới nào là giới nhỏ, tiểu tiết. Trong đây,

tôi không tự thấy có tội. Nhưng vì kính tín Đại đức nên xin sám hối.

Ca-diếp lại nói:

- Ông không ngăn người nữ, để cho họ làm bẩn chân Đức Phật.

Mắc tội Đột-kiết-la. Nay phải sám hối.

Tôn giả A-nan thưa:

- Điều này chẳng phải tôi cố làm, mà là do người nữ tâm mềm yếu nên khi kính lễ chân Phật, khóc chảy nước mắt, lấy tay lau, làm bẩn chân Đức Phật. Trong đây tôi không tự thấy có tội. Nhưng vì kính tín Đại đức nên nay xin sám hối.

Khi ấy, Đại Ca-diếp liền tác bạch:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng hỏi Ưu-ba-ly Pháp Tỳ-ni. Đây là lời tác bạch.

Khi ấy Ưu-ba-ly liền tác bạch:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng khiến Thượng tọa Ca-diếp hỏi, tôi đáp. Đây là lời tác bạch.

Đại Ca-diếp liền đặt câu hỏi:

- Giới Ba-la-di thứ nhất, duyên khởi tại chỗ nào? Ai là người phạm đầu tiên?

Ưu-ba-ly trả lời:

- Duyên khởi, đầu tiên tại Tỳ-xá-ly. Tu-đề-na Ca-lan-đà Tử là người phạm đầu tiên.

- Giới thứ hai, duyên khởi đầu tiên ở đâu?

- Tại thành Vương-xá. Tỳ-kheo Đà-ni-già,²²⁰ con ông thợ đồ gốm, phạm đầu tiên.

Lại hỏi:

- Giới thứ ba, duyên khởi đầu tiên ở đâu?

- Tại Tỳ-xá-ly. Tỳ-kheo bên sông Bà-cầu phạm đầu tiên.

Lại hỏi:

- Giới thứ tư, duyên khởi đầu tiên ở đâu?

- Tại Tỳ-xá-ly. Tỳ-kheo bên sông Bà-cầu phạm đầu tiên.

Lại hỏi:

- Giới thứ nhất của Tăng tàn, duyên khởi đầu tiên ở đâu?

- Tại nước Xá-vệ. Ca-lưu-đà-di là người phạm đầu tiên.

Như vậy, lần lượt tùy theo chỗ phát khởi đầu tiên như phần đầu đã nói.

220. Đà-ni-già 陀尼伽. Trên kia, phiên âm là Đàn-nị-ca.

Lại hỏi:

- Giới thứ nhất, bất định pháp, duyên khởi đầu tiên ở đâu?
- Tại nước Xá-vệ. Người phạm đầu tiên là Ca-lưu-đà-di.

Giới thứ hai cũng vậy.

Lại hỏi:

- Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, duyên khởi đầu tiên ở đâu?
- Tại nước Xá-vệ. Nhóm sáu Tỳ-kheo phạm đầu tiên.

Như vậy, lần lượt, như phần đầu đã nói.

Lại hỏi:

- Ba-dật-đề, duyên khởi đầu tiên ở đâu?
- Tại Thích-sí-sấu. Tỳ-kheo Tượng Lực Thích tử là người phạm

đầu tiên.

Như vậy, lần lượt, như phần đầu đã nói.

Lại hỏi:

- Ba-la-đề-đề-xá-ni duyên khởi đầu tiên ở đâu?
- Tại nước Xá-vệ. Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc là duyên khởi.

Thứ hai, thứ ba, thứ tư, như phần đầu đã nói.

Lại hỏi:

- Thứ nhất, chúng học pháp, duyên khởi đầu tiên ở đâu?
- Tại nước Xá-vệ. Nhóm sáu Tỳ-kheo phạm đầu tiên.

Như vậy, lần lượt, như phần đầu đã nói.

Giới riêng của Tỳ-kheo-ni, như luật đã nói.

Lại hỏi:

- Đầu tiên cho phép thọ đại giới, duyên khởi ở chỗ nào?
- Tại Ba-la-nại, năm Tỳ-kheo.

Lại hỏi:

- Đầu tiên cho phép thuyết giới ở đâu?
- Tại thành Vương xá, vì các niên thiếu Tỳ-kheo.

Lại hỏi:

- Đầu tiên cho phép an cư ở đâu?
- Tại nước Xá-vệ. Nhóm sáu Tỳ-kheo là duyên khởi.

Lại hỏi:

- Ban đầu duyên khởi tự tứ ở đâu?
- Tại nước Xá-vệ. Nhóm sáu Tỳ-kheo là duyên khởi.

Như vậy, lần lượt hỏi cho đến Tỳ-ni Tăng nhất.

Bấy giờ, các vị tập hợp tất cả phần việc của Tỳ-kheo thành một nhóm gọi là - Luật Tỳ-kheo. Phần việc của Tỳ-kheo-ni thành một nhóm gọi là - Luật Tỳ-kheo-ni. Tất cả các pháp liên hệ thọ giới thành một

nhóm gọi là - Kiên độ Thọ giới. Tất cả các pháp bố-tát thành một nhóm gọi là - Kiên độ Bố-tát. Tất cả các pháp an cư thành một nhóm gọi là - Kiên độ An cư. Tất cả các pháp tự tứ thành một nhóm gọi là - Kiên độ Tự tứ. Tất cả các pháp liên hệ sử dụng da thuộc thành một nhóm gọi là - Kiên độ Da thuộc. Tất cả các pháp liên hệ y phục thành một nhóm gọi là - Kiên độ Y. Tất cả các pháp liên hệ sự dùng thuốc thành một nhóm gọi là - Kiên độ Dược. Tất cả các pháp liên hệ Ca-thi-na y thành một nhóm gọi là - Kiên độ Ca-thi-na y. Hai bộ luật, tất cả những Kiên độ, Điều bộ, Tỳ-ni Tăng nhất, tập hợp lại gọi là - Tỳ-ni tạng.

Bấy giờ, Đại Ca-diếp liền tác bạch:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng hỏi A-nan Pháp Tỳ ni. Đây là lời tác bạch.

Khi ấy, Tôn giả A-nan liền tác bạch:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng khiến Đại Ca-diếp hỏi, tôi trả lời. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Ca-diếp liền hỏi A-nan:

- Kinh Phạm động²²¹ được nói ở chỗ nào? Tăng nhất,²²² nói ở đâu? Tăng thập,²²³ nói tại chỗ nào? Kinh nói về việc thế giới thành bại,²²⁴ nói ở đâu? Kinh Tăng-kỳ-đà,²²⁵ nói ở chỗ nào? Kinh Đại nhân duyên,²²⁶ nói ở đâu? Kinh Thiên đế Thích hỏi,²²⁷ nói ở đâu?

Tôn giả A-nan đều trả lời như được nói trong Kinh Trường A-hàm.

Các vị liền tập hợp tất cả các kinh dài lại gọi là - Trường A-hàm, tất cả kinh trung gọi là - Trung A-hàm. Từ một việc, cho đến mười việc;

221. Kinh Phạm động 梵動經. Trường A-hàm 14, kinh số 21, Phạm động, No 1(21). Tương đương Pali, D.1. Brahmajāla-suttanta.

222. Kinh Tăng nhất 增一經. Trường A-hàm 9, kinh số 11, Tăng nhất, No (11). Tương đương Pali, không có. Như kinh Thập thượng, No 1(10)

223. Kinh Tăng thập 增十經. Trường A-hàm 9, kinh số 10, Thập thượng, No 1(10). Tương đương Pali, D. >4. Dasuttara-suttanta.

224. Kinh Thế giới thành bại 世界成敗經. Trường A-hàm 18-22, kinh số >0, Thế ký, No 1(>0). Không có Pali tương đương.

225. Kinh Tăng-kỳ-đà 僧祇陀經. Trường A-hàm 8, kinh số 9, Chúng tập, No 1(9). Tương đương Pali, D. >>. Sangīti-suttanta.

226. Kinh Đại nhân duyên 大因緣經. Trường A-hàm 10, kinh số 1>, Đại duyên phương tiện, No 1(1>). Tương đương Pali, D. 15. MahāNidāna-suttanta.

227. Kinh Thiên đế Thích vấn 天帝釋問經. Trường A-hàm 10, kinh số 14, Thích Đề-hoàn Nhân vấn, No (14). Tương đương Pali, D. 21. Sakkapaḍḍha-suttanta.

từ mười việc cho đến mười một việc gọi là - Tăng nhất. Nhật lược²²⁸ những điều liên quan đến Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, chư Thiên, Đế Thích, Ma, Phạm vương, tập lại gọi là - Tập A-hàm.

Như thị sinh kinh,²²⁹ Bốn kinh,^{2>0} Thiệ nhân duyên kinh,^{2>1} Phương đẳng kinh,^{2>2} Vị tăng hữu kinh,^{2>>} Thí dụ kinh,^{2>4} Ưu-bà-đề-xá kinh,^{2>5} Cú nghĩa kinh,^{2>6} Pháp cú kinh,^{2>7} Ba-la-diên kinh,^{2>8} Tập nan kinh,^{2>9} Thánh kệ kinh²⁴⁰: các kinh như vậy tập hợp lại thành Tập tạng. Có nạn không nạn ràng buộc tương ứng với nhau, tập hợp lại thành A-tỳ-đàm tạng. Bảy giờ, những lời dạy của Đức Phật được tập hợp lại thành Ba tạng.

Bảy giờ, Trưởng lão Phú-la-na²⁴¹ nghe tại thành Vương-xá, có năm trăm vị A-la-hán cùng nhau tập hợp Pháp Tỳ-ni, liền cùng năm trăm vị Tỳ-kheo, đến thành Vương-xá, chỗ Đại Ca-diếp nói:

- Tôi nghe Đại đức cùng năm trăm vị A-la-hán cùng nhau tập hợp Pháp Tỳ-ni, tôi cũng muốn dự nghe pháp.

228. Tập 雜; được hiểu là - nhật lược những điều tạp toái, linh tinh, sát nghĩa Skt. sanykta (Pali: sanyutta): liên kết những sự kiện có liên hệ nhau.

229. Như thị sinh kinh 如是生經. Skt. itivttaka/ ityukta, Pali: itivuttka, 1 trong 9 hay 12 phần giáo; phiên âm là y-đế-mục-đa-già, cũng dịch là bản sự, gồm những chuyện cổ không thuộc bản sinh.

2>0. Bốn kinh 本經. Skt. Pali: jātaka, chỉ bản sinh truyện, những chuyện về tiền thân của Phật.

2>1. Thiệ nhân duyên kinh 善因緣經. Skt. nidāna, tập hợp những giải đáp của Phật do các đệ tử hỏi trong nhiều nhân duyên khác nhau.

2>2. Phương đẳng kinh 方等經. Skt. vaipulya, âm là tỳ-phật-lược, dịch là phương đẳng hay phương quảng, xiển dương nghĩa lý quảng đại bình đẳng, tức diễn rộng nhưng ẩn ý vi mật trong các lời dạy của Phật.

2>>. Vị tăng hữu kinh 未曾有經. Skt. adbhuta-dharma, âm a-phù-đa-đạt-ma, tập hợp những điều ly kỳ, hiếm có trên đời.

2>4. Thí dụ kinh 譬經. Skt. avadāna, âm a-ba-đa-na, gồm những chuyện ngụ ngôn để răn dạy đạo đức.

2>5. Ưu-bà-đề-xá kinh 優婆提舍經. Skt. upadeśa, dịch là luận nghị, giải thích và biện luận ý nghĩa lời Phật.

2>6. Cú nghĩa kinh 句義經. Skt. padārtha, không có Hán.

2>7. Pháp cú kinh 法句經. Skt. dharmapada, tuyển tập những bài kệ của Phật.

2>8. Ba-la-diên kinh 波羅延經. Tương đương Pali: Pārāyana-vagga (phẩm đáo bỉ ngạn), phẩm thứ năm của Suttanipāta, Tiểu bộ Pali (Khuddaka-Nikāya).

2>9. Tập nan kinh 雜難經. Không có Hán.

240. Thánh kệ kinh 聖偈經. Tương đương Pali: Theragathā (Trưởng lão kệ) và Therīgathā (Trưởng lão ni kệ), tuyển tập những bài kệ của các Thánh đệ tử, thuộc Tiểu bộ Pali (Khuddaka-Nikāya).

241. Phú-la-na 富羅那. Vin. ii. 289: Bảy giờ, Trưởng lão Purāna cùng với 500 Tỳ-kheo từ Nam sơn (Dakkhitāgiri) về Vương-xá để tham dự kết tập. Vị Trưởng lão này không được đồng nhất với Tôn giả Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử, cũng gọi là Mãn Từ Tử (Skt. Pūrna-maitrāyani-putra, Pali: Putta-Mantāni-putta), 1 trong 10 Đại đệ tử.

Đại Ca-diếp, vì nhân duyên này tập hợp Tỳ-kheo Tăng vì số Tỳ-kheo này hỏi lại Ưu-ba-ly, cho đến tập hợp thành Ba Tạng như trên đã nói.

Phú-la-na thưa Đại đức Ca-diếp:

- Tôi nhất trí tất cả, chỉ trừ tám việc.²⁴² Thưa Đại đức, chính tôi nghe từ Đức Phật và nhớ kỹ không quên, Đức Phật cho phép: Ngủ với thức ăn, nấu thức ăn trong giới, tự mình nấu thức ăn, tự mình lấy thức ăn, thọ thực lúc sáng sớm, từ người kia mang thức ăn đến, nếu có tạp quả, hoặc nước trong ao chảy ra mà có vật có thể ăn được thì được ăn. Tám trường hợp trên Phật đều cho phép không làm pháp dư thực mà được ăn.

Đại Ca-diếp trả lời:

- Thật đúng như lời Thầy nói. Đức Thế Tôn vì lúc mất mùa, lúc gạo khan hiếm, nhân dân đói khổ, khát thực khó, đã từ miễn đối với Tỳ-kheo nên cho phép tám việc như vậy. Khi nào được mùa lúa gạo đầy đủ thức ăn nhiều thì Phật liền chế cấm, không cho phép làm như vậy.

Phú-la-na lại nói:

- Thưa Đại đức Ca-diếp, Đức Thế Tôn là bậc Nhất thiết trí kiến, không bao giờ cấm rồi lại mở; mở rồi lại cấm.

Đại Ca-diếp trả lời:

- Vì Đức Thế Tôn là bậc nhất thiết trí kiến nên mới cấm rồi lại mở, mở rồi lại cấm. Nay Phú-la-na, chúng ta nên lập chế ước như vậy: Những gì Đức Phật không cấm thì không nên cấm. Những gì Đức Phật chế cấm thì không nên hủy bỏ. Nên tùy thuận học tập những chế giới của Đức Phật.^{24>}

Tại thành Vương xá, năm trăm vị A-la-hán, cùng nhau kết tập Pháp Tỳ-ni, cho nên gọi là: Tập Pháp Tỳ ni ngũ bách nhân.

